

Số: 428 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 7/6 – 13/6/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,2 – 27,7°C; Cao nhất: 34,7°C; Thấp nhất: 22,3°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 84 – 88%; Thấp nhất: 58%.
- Tổng số giờ nắng: 40 – 46 giờ.
- Lượng mưa: 99 - 218mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, đêm có mưa rải rác, trưa chiều mưa nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Vụ Hè Thu: Xưởng giống 21.294 ha/22.185 ha, đạt 96% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: mạ (5.084 ha), đẻ nhánh (14.104 ha), làm đòng (2.106)

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con, phát triển thân lá	16.269/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Nuôi trái, thu hoạch	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Chăm sóc	17.087
Điều	Chăm sóc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Các giai đoạn	17.172

## **II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA**

**1. Trên cây lúa:** Lúa vụ Hè Thu giai đoạn mạ, đẻ nhánh. Thời tiết mưa nắng xen kẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các SVH phát triển: Bệnh đạo ôn lá DTN 453 ha tăng 357 ha, ốc brou vàng DTN 319 ha tăng 17 ha, sâu cuốn lá nhỏ DTN 139 ha tăng 130 ha.

### **2. Cây trồng khác**

- Cây bắp: SVH chủ yếu là sâu xám DTN 56 ha giảm 3 ha, xuất hiện bệnh rỉ sắt DTN 83 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Tình hình SVH có xu hướng giảm do nông dân chủ động phòng trừ. Sâu vẽ bùa DTN 279 ha giảm 154 ha, nhện nhỏ DTN 53 ha giảm 70 ha.

+ Chôm chôm: Rệp sáp DTN 185 ha tăng 1 ha, bệnh cháy mép lá DTN 123 ha giảm 30 ha, bệnh thối quả DTN 58 ha tăng 37 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 427 ha giảm 206 ha, bệnh nấm hồng 164 ha giảm 254 ha, bệnh thối trái DTN 98 ha tăng 140 ha.

+ Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 90 ha tăng 1 ha, có 4 ha nhiễm nặng.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 919 ha giảm 148 ha, bệnh chết chậm DTN 871 ha giảm 246 ha, có 6 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 526 ha giảm 249 ha có 4 ha nhiễm nặng

+ Cây điều: Bệnh nấm hồng DTN 87 ha tăng 23 ha, bệnh thán thư DTN 87 ha giảm 9 ha.

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc brou vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá, bệnh bạc lá và các SVH khác.

- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh cháy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây mì: khuyến cáo nông dân không sử dụng hom giống đã nhiễm bệnh khảm lá, chú ý điều tra phát hiện những diện tích mới nhiễm tiến hành khoanh vùng tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng.

- Nam Bộ đang bước vào mùa mưa, diện tích nhiễm các loại bệnh chết nhanh, chết chậm trên hồ tiêu, bệnh thán thư trên điều, bệnh phấn trắng trên cao su... phát sinh phát triển. Cần tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trong thời gian tới.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Công Tú**



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 7/6 đến ngày 13/6/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		276	3	0	279	0	-154.0	134.0	136	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		53	0	0	53	0	-70.0	23.0	0	Định Quán
	Bệnh loét	Các giai đoạn	5 - 6		35	0	0	35	0	25.0	35.0	65	Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Rệp sáp	Nuôi trái	5 - 13		185	0	0	185	0	1.0	93.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Nuôi trái	10 - 12		121	2	0	123	0	-30.0	-22.0	35	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	1 - 15		69	3	0	72	0	4.0	34.0	6	Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất
	Bệnh thối quả	Nuôi trái-Thu hoạch	5		58	0	0	58	0	37.0	32.0	25	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		86	5	0	91	0	-2.0	-84.0	35	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		29	0	0	29	0	0.0	-92.0	25	Thống Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Nuôi trái	3 - 5		30	0	0	30	0	5.0	30.0	0	TX Long Khánh
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		7	0	0	7	0	7.0	7.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		427	0	0	427	0	-206.0	282.0	176	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		304	0	0	304	0	-63.0	213.0	105	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám	Các giai đoạn	15		164	0	0	164	0	-251.0	90.0	80	Cẩm Mỹ, Tân Phú

	hồng													
	Bệnh thối trái	Các giai đoạn	2 - 10		98	0	0	98	0	-140.0	-15.0	56	Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh	
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	67	19	4	90	0	1.0	34.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc	
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		112	0	0	112	0	15.0	112.0	0	Định Quán	
	Bệnh thán thư	Nuôi trái-TH	5		35	0	0	35	0	12.0	24.0	0	Định Quán	
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, bông, trái non	10 - 17		38	0	0	38	0	-1.0	22.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom	
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		641	8	0	649	0	34.0	-96.0	37	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú	
	Rệp sáp	Chăm sóc	13 - 15		431	3	0	434	0	85.0	89.0	123	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, TX Long Khánh	
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		394	4	0	398	0	26.0	212.0	24	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom	
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		415	1	0	416	0	7.0	158.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom	
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 20		384	1	0	385	0	187.0	244.0	237	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom	
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	4 - 11		397	2	0	399	0	129.0	249.0	45	Định Quán, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu	
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15 - 16		87	0	0	87	0	23.0	46.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán	
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 12	25	74	13	0	87	0	-9.0	10.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất	
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		872	47	0	919	0	-148.0	-9.0	43	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú	
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	12 - 15	736	129	6	871	0	-246.0	291.0	103	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán	
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	640	23	1	664	0	-114.0	392.0	44	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Thống Nhất	

	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	476	46	4	526	0	-249.0	-348.0	105	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		5	0	0	5	0	1.0	1.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		4	0	0	4	0	0.0	-4.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	0.0	4.0	0	Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	1		5	0	0	5	0	3.0	5.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Bệnh rỉ sắt	Cây con	15		83	0	0	83	0	83.0	83.0	83	Tân Phú
	Sâu xám	Cây con	5		56	0	0	56	0	-11.0	-3.0	24	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh	5 - 10		453	0	0	453	0	357.0	-35.0	350	Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Thành, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 5		316	3	0	319	0	17.0	-74.0	211	Vĩnh Cửu, Long Thành, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, Nhơn Trạch, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh	1 - 35		139	0	0	139	0	130.0	30.0	93	Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Mạ-đẻ nhánh	5 - 10		76	0	0	76	0	46.0	9.0	96	Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	7 - 10		43	4	0	47	0	27.0	13.0	25	Tân Phú, Trảng Bom
	Chuột	Mạ-đẻ nhánh	2 - 5		47	0	0	47	0	37.0	-119.0	100	Long Thành, Nhơn Trạch
	Bầu bí	Dòi đục lá	Các giai đoạn	15		12	0	0	12	0	7.0	12.0	8
Dưa chuột (dưa leo)	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	8	0	0	8	0	-2.0	3.0	8	Nhon Trạch, Long Thành
	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12	5	0	17	0	-2.0	17.0	5	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	9	3	0	12	0	-6.0	6.0	4	Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30	50	6	1	0	7	0	-7.0	0.0	6	Nhon Trạch, Thống Nhất
	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		13	2	0	15	0	2.0	0.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	9.5	3.5	0	13	0	-2.8	3.0	9	Nhon Trạch, Trảng Bom, Long Thành

Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	1 - 10		18	0	0	18	0	7.0	3.0	12	Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10		5.5	0	0	5.5	0	-8.5	2.5	5	Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	3 - 5	10	5	0	0	5	0	1.0	5.0	3	Tân Phú, Nhơn Trạch
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	-8.0	6.0	6	Thống Nhất
	Bệnh đỏ lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	-5.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	4	0	1.0	2.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	2 - 5		3	0	0	3	0	0.0	1.0	1	Trảng Bom, TP Biên Hòa